TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ LÁCH** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 269/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 12/8/2020.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Đức.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hà Công Tâm.
2. Ông Nguyễn Văn Dũng.

Thư ký phiên tòa: Ông Dương Ngọc Tú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2020/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2020/QĐST - HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020 giữa:

* *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị Như L - Sinh năm: 1993; địa chỉ: k p 3, thị trấn C L, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

* *Bị đơn:* Anh Phan Minh T - Sinh năm: 1987; địa chỉ: ấp A T, xã L T, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự vắng mặt - Có yêu cầu giải quyết vắng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2012 chị Nguyễn Thị Như L và anh Phan Minh T có tiến đến hôn nhân, hôn nhân giữa anh chị là tự nguyện, anh chị có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L T, huyện Chợ Lách, tỉnh

Bến Tre ngày 13/02/2012.

Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do cuộc sống chung có nhiều bất đồng quan điểm nên thường hay cãi vã và đã ly thân từ tháng 7/2019 cho đến nay.

Trong thời gian sống ly thân, giữa anh chị và gia đình 02 bên có tác động để anh chị đoàn tụ nhưng không thành. Cho rằng tình cảm vợ chồng là không còn, không thể hàn gắn để đoàn tụ. Vì vậy, chị L yêu cầu được ly hôn với anh T. Chị không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 người con chung là Phan Minh H - Sinh ngày 04/6/2013. Sau khi ly hôn chị L yêu cầu được nuôi con mà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, về nợ: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày:

Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị Võ Thị Như L. Anh không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Anh đồng ý việc chị L tiếp tục nuôi dưỡng người con chung giữa anh chị là Phan Minh H - Sinh ngày 04/6/2013, anh sẽ không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, về nợ: Không có.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của L đối với anh T. Ghi nhận việc anh chị không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Phan Minh H - Sinh ngày 04/6/2013 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận việc chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, về nợ: Đương sự khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do các bên tranh chấp, nguyên đơn

có đơn khởi kiện và bị đơn có địa chỉ tại huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên việc Tòa án không thể tiến hành hòa giải và việc xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị L, anh T là tự nguyện, anh chị có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L T, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre vào ngày 13/02/2012. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tuy nhiên, sau khi kết hôn và chung sống hạnh phúc một thời gian thì đời sống hôn nhân có nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án chị L, anh T thống nhất ly hôn. Xét thấy, việc thuận tình ly hôn giữa anh chị là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 01 người con chung là cháu Phan Minh H - Sinh ngày 04/6/2013, hiện nay đang sống với chị L.

Do cháu H có nguyện vọng được sống với chị L và anh T cũng đồng ý việc chị L sẽ tiếp tục nuôi con. Do vậy, cần giao con cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Ghi nhận việc chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản, về nợ: Đương sự thống nhất khai không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Đương sự phải nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 85, 86 của Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. ***Về hôn nhân:*** Chị Võ Thị Như L được ly hôn với anh Phan Minh T.

Ghi nhận việc anh chị không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

2. ***Về con chung:***

Giao cháu Phan Minh H - Sinh ngày 04/6/2013 cho chị Võ Thị Như L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận việc chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lợi dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản, về nợ: Đương sự thống nhất khai không có nên không xem xét giải quyết.

4. ***Về án phí sơ thẩm:*** Nguyên đơn phải nộp 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0011207 ngày 25/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Nguyên đơn đã nộp đủ án phí.

5. *Về quyền kháng cáo:* Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Chợ Lách;*
- *Chi cục THADS huyện Chợ Lách;*
- *TAND tỉnh Bến Tre;*
- *UBND xã (nơi cấp giấy chứng nhận kết hôn);*
- *Lưu hsva, v*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Chí Đức